

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 413/2019/DS-PT

Ngày: 11-11-2019

"V/v tranh chấp dân sự về chia thừa
kế tài sản; Hợp đồng thuê nhà ở và
yêu cầu tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội.

Ông Nguyễn Tấn Tăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Thành Biên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08/10/2019, ngày 01/11/2019, ngày 07/11/2019 và ngày 11/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019, về việc: “Tranh chấp dân sự về chia thừa kế tài sản; Hợp đồng thuê nhà ở và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 331/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 350/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 9 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 439/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 390/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số E, đường L.Đ.H, phường M.P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T là bà Võ Thị N, sinh năm 1957 (Có mặt);

Địa chỉ: Số G, T.H.D, khóm H, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T là Luật sư Phạm Hữu L – Công ty Luật hợp danh A.E Luật sư, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Thị Thu H là ông Lê Khắc C1, sinh năm: 1979 (Có mặt);

Địa chỉ: Tầng N, Tòa nhà B.F, Số O, H.T, phường B.N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2018).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Nguyễn Lê Xuân H.K, sinh năm: 1997;

3.2. Nguyễn Lê Xuân H.K, sinh năm: 2005;

Đại diện theo pháp luật của Nguyễn Lê Xuân H.K là bà Lê Thị Thu H, sinh năm: 1963 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Lê Xuân H.K là ông Lê Khắc C1, sinh năm: 1979 (Có mặt);

Địa chỉ: Tầng N, Tòa nhà B.F, Số O, H.T, phường B.N, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2018).

3.3. Nguyễn Lê Xuân T1, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm: 1986;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Minh T2 là chị Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1988 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Số K, Tổ Q, khóm I, phường X, thành phố C, Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2019).

3.5. Anh Nguyễn Minh T3, sinh năm: 1983 (Có mặt);

3.6. Chị Nguyễn Lê Thị Tú T4, sinh năm: 1989;

Cùng địa chỉ: Số Y, đường L.D, phường M.P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Lê Thị Tú T4 và Nguyễn Lê Xuân T1 là ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1962 (Có mặt);

Địa chỉ: Số V, đường L.D, phường M.P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền cùng ngày 17/9/2019).

3.7. Bà Tô Thị Thúy N1, sinh năm: 1969 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Phòng Công chứng số 01 tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số Đ, đường H.V, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số S, đường T, Phường U, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị Thu H và Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K (Là bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án).

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T là bà Võ Thị N trình bày:

Di sản của bà Nguyễn Thị D1 để lại là 01 căn nhà và đất tọa lạc tại số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà năm 2003 do bà Nguyễn Thị D1 đứng tên. Đất có diện tích 68.3m² thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 13.

Cha mẹ bà Nguyễn Thị Kim T là ông Nguyễn Văn V1 (chết năm 2003) và bà Nguyễn Thị D1 (chết năm 2013) đều không để lại di chúc. Bà D1 có 03 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Minh K1 (chết 2015) và bà Lê Thị T5 (chết năm 2007).

Ông K1 có 02 người con là Nguyễn Lê Xuân H.K và Nguyễn Lê Xuân H.K và vợ ông K1 là bà Lê Thị Thu H. Bà Lê Thị T5 có 04 người con là: Nguyễn Lê Xuân T1, Nguyễn Minh T3, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Lê Thị Tú T4.

Khi bà D1 chết gần 02 tháng thì bà Lê Thị Thu H tự ý thay bà D1 đứng chủ hộ và quản lý nhà, đất là di sản của bà D1. Nay bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu được nhận 1/3 tài sản thừa K1 là nhà và đất tọa lạc tại số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Bà T yêu cầu nhận hiện vật và trả giá trị cho những người thừa K1 theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

Diện tích đất tranh chấp khi đăng ký quyền sử dụng đất, gia đình thống nhất tài sản này là tài sản chung của hộ gia đình và ngày 26/5/2000 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ, do bà Nguyễn Thị D1 đứng tên đại diện hộ. Năm 2003 đổi giấy chứng nhận, ngày 24/6/2003 UBND thị xã C vẫn cấp thửa đất này cho gia đình bà T.

Năm 2013, bà Nguyễn Thị D1 chết, lúc này bà T mới phát hiện ngày 17/12/2003 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp đổi quyền sử dụng thửa đất này cho cá nhân mẹ bà T chứ không còn của hộ. Việc cấp đổi này bà T không biết mà lại tước quyền sử dụng của bà T là thành viên của hộ gia đình, nên bà T cho rằng việc cấp đổi này là không đúng. Vì vậy bà T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 17/12/2003 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà D1 và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình như trước đây.

Ngoài tranh chấp tài sản thừa K1 là nhà và đất tại số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp thì không có tranh chấp tài sản nào khác.

Bà Tô Thị Thúy N1 là người đang chiếm giữ nhà đất là di sản đang tranh chấp, do trước đây bà N1 thuê từ mẹ bà T và sau khi mẹ bà T chết thì anh bà T là Nguyễn Minh K1 tiếp tục ký cho thuê. Từ khi mẹ bà T chết từ ngày 29/5/2013 cho đến ngày 01/6/2016 là 03 năm, theo hợp đồng thuê nhà bà N1 ký thuê từ ông K1 với giá thuê là 7.500.000 đồng/tháng. Tổng giá trị tiền thuê tính đến ngày 01/6/2016 là 7.500.000 đồng x 36 tháng = 270.000.000 đồng. Bà T yêu cầu bà Tô Thị Thúy N1 chấm dứt hợp đồng thuê nhà giữa bà N1 và ông Nguyễn Minh K1 và giao quyền quản lý ngôi nhà lại cho bà T và bà N1 thanh toán tiền thuê nhà cho bà T là 270.000.000 đồng: 3 = 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà T rút yêu cầu đối với việc yêu cầu bà N1 trả số tiền thuê nhà 90.000.000 đồng và chấm dứt hợp đồng thuê nhà. Đồng thời, yêu cầu bà H phải trả số tiền 90.000.000 đồng cho bà T.

Bà T cho rằng tờ di chúc của bà D1 lập ngày 10/6/2004 do bị đơn cung cấp không phải là di nguyện của bà D1, do chứng minh nhân dân của mẹ bà dùng trong bản di chúc đã hết hạn sử dụng, hộ khẩu thường trú và địa chỉ nhà đất là một nhưng trong di chúc không giống nhau, họ tên, năm sinh, địa chỉ của người thừa K1 không đúng thực tế, chữ ký, dấu vân tay được cho là của mẹ bà thì không phải là của mẹ bà. Vì vậy nay bà T yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu đối với bản di chúc ngày 10/6/2004.

Tại văn bản lấy lời khai ngày 17/01/2019, bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Việc bà D1 lập di chúc cho tài sản cho Nguyễn Minh K1, sinh năm 1963 bà T không biết, đồng thời người tên Nguyễn Minh K1 không phải là anh trai bà T vì anh trai bà họ Lê và sinh năm 1961, còn họ Nguyễn là họ của cha bà T. Bà Nguyễn Thị D1 chỉ có duy nhất 01 người con trai tên Lê Văn K1, bà T xác định bà D1 hoàn toàn không có con trai nào khác.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thu H, chị Nguyễn Lê Xuân H.K là ông Lê Khắc C1 trình bày tại cấp sơ thẩm:

- Về những người trong hàng thừa K1 thứ nhất của bà D1 gồm: Ông Nguyễn Minh K1 chết năm 2015; bà Lê Thị T5, chết năm 2007 và Nguyễn Thị Kim T. Ngoài ra không còn ai khác.

Thông nhất theo trình bày của nguyên đơn hàng thừa K1 thứ nhất của ông K1 và bà T5. Ông K1 đã sang Hoa Kỳ định cư khoảng năm 1990 (không nhớ rõ) và đã nhập Quốc tịch, chết tại Hoa Kỳ vào năm 2015.

- Về di sản thừa K1 của bà Nguyễn Thị D1 là nhà và đất tọa lạc tại số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp thì bà Lê Thị Thu H đã quản lý từ khi bà Nguyễn Thị D1 còn sống cho đến nay.

Ông Nguyễn Minh K1 là người được hưởng thừa K1 theo di chúc của bà Nguyễn Thị D1, nay ông Nguyễn Minh K1 đã chết vì vậy những người thừa K1 hợp pháp của ông Nguyễn Minh K1 được hưởng thừa K1 toàn bộ tài sản do ông Nguyễn Minh K1 tạo lúc còn sống.

Nên nay không đồng ý theo yêu cầu của bà Lê Thị Kim T và yêu cầu nhận di sản thừa K1 theo di chúc ngày 10/06/2004 do Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp chứng nhận.

- Bà D1 người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp hợp pháp. Di chúc của bà D1 được lập tại phòng công chứng, được chứng thực hợp pháp và người thừa K1 theo di chúc của bà D1 là hợp pháp. Di sản thừa K1 của bà D1 theo nội dung di chúc là hợp pháp. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Lê Xuân T1, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Minh T3, Nguyễn Lê Thị Tú T4 trình bày tại cấp sơ thẩm:

Bà Lê Thị T5 chết năm 2007, bà T5 có 4 người con là Nguyễn Lê Xuân T1, Nguyễn Minh T3, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Lê Thị Tú T4, về những người trong hàng thừa K1 thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, không trình bày gì thêm. Đối với tài sản thừa K1 là nhà và đất thống nhất theo yêu cầu của bà T là các anh em được nhận 1/3 giá trị nhà và đất, yêu cầu nhận hiện vật và đồng ý trả giá trị cho các đồng thừa K1. Tuy nhiên, ngày 12/5/2016 tòa án ra thông báo T1, T2, T3, T4 nộp đơn khởi kiện bổ sung nhưng không nộp đơn yêu cầu.

- Đại diện Phòng Công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp trình bày:

Việc công chứng đối với di chúc ngày 10/06/2004 của bà Nguyễn Thị D1 là phù hợp với quy định pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trình bày: Việc cấp đổi quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở từ hộ sang cá nhân bà D1 đứng tên vào ngày 17/12/2003 là phù hợp pháp luật tại thời điểm cấp đổi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định tuyên xử:

- Áp dụng:

Các Điều 26, 34, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 158, 161, 162, 165, 166, 217, 228 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 631, 633, 635, 636, 645, 674, 675, 676, 677 và 685 Bộ luật dân sự năm 2005;

Các Điều 357, 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 và 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim T về việc yêu cầu bà Tô Thị Thúy N1 trả số tiền thuê nhà 90.000.000 đồng và chấm dứt hợp đồng thuê nhà giữa bà Tô Thị Thúy N1 với ông Nguyễn Minh K1.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim T về việc yêu cầu: Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu đối với di chúc do bà Nguyễn Thị D1 lập ngày 10/6/2004; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà trên đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà Nguyễn Thị D1 ngày 17/12/2003 và yêu cầu bà Lê Thị Thu H trả số tiền 90.000.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim T về việc yêu cầu chia thừa K1:

Bà Nguyễn Thị Kim T được hưởng 01 phần di sản chia thừa K1 tương đương số tiền: 603.200.000 đồng. Nhưng bà T được nhận bằng hiện vật và được quyền sử dụng đất có diện tích 65m² và quyền sở hữu căn nhà cấp 3 gắn liền trên đất, trong phạm vi từ các mốc 1, 2, 3, 4 đến mốc 1, thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định và sơ đồ đo đạc ngày 07/4/2016 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp).

Đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với tài sản mình được nhận và chịu trách nhiệm nộp các khoản thu theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ trả giá trị tài sản cho bà Lê Thị Thu H; Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K tương ứng với số tiền là 603.200.000 đồng (Sáu trăm lẻ ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 33.028.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền 33.440.000 đồng đã nộp tạm ứng theo các biên lai số 039778 ngày 24/12/2015, số 08033 ngày 31/10/2016, số 0005445 ngày 08/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp và bà Nguyễn Thị T được nhận lại 412.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K phải nộp số tiền là 28.128.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 33.000.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số 08407 và số 08408 cùng ngày 10/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp và được nhận lại số tiền là 4.872.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng và chi phí giám định; xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

+ Bà Nguyễn Thị T phải chịu chi phí giám định với số tiền là 2.825.000 đồng; số tiền này bà T đã nộp và chi xong.

+ Về chi phí tố tụng gồm chi xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 3.270.751 đồng, do bà Nguyễn Thị T nộp tạm ứng.

+ Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền là 1.635.751 đồng.

+ Bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K phải nộp số tiền 1.635.000 đồng và bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, bị đơn bà Lê Thị Thu H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Ngày 10/5/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C kháng nghị bản án sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C theo Quyết định kháng nghị số: 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10/5/2019. Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Lê Thị Thu H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ

nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K; không chấp nhận phản tố của phía bà H, vì di chúc ngày 10/6/2004 là không hợp pháp, đã vi phạm về hình thức và nội dung, đồng thời nội dung di chúc chỉ thể hiện bà D1 cho ông K1 được quyền sử dụng căn nhà mà không thể hiện nội dung bà D1 cho ông K1 được quyền sở hữu, sử dụng nhà và đất. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố di chúc ngày 10/6/2004 vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C kháng nghị bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H Kristin, Nguyễn Lê Xuân Hoàng Kraren; Sửa bản án sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C; Chấp nhận toàn bộ kháng nghị phúc thẩm số: 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10/5/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C; Công nhận cho bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K (là vợ và các con của ông Nguyễn Minh K1) được hưởng đối với diện tích 65m² và 01 căn nhà cấp 3 trên đất thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 01 (thửa cũ là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13) do bà Nguyễn Thị D1 đứng tên ngày 17/12/2003. Vì nhà và đất trên do bà Nguyễn Thị D1 đã lập di chúc vào ngày 10/6/2004 để lại cho ông Nguyễn Minh K1 hưởng, sử dụng. Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Đồng Tháp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo

và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C kháng nghị bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Tại phiên tòa ngày 11/11/2019, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T là bà Võ Thị N, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T là Luật sư Phạm Hữu L, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K là ông Lê Khắc C1, Đại diện theo pháp luật của Nguyễn Lê Xuân H.K là bà Lê Thị Thu H, Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Minh T2 là chị Trần Thị Ngọc M, Người đại diện theo ủy quyền của Lê Thị Tú T4 và Nguyễn Lê Xuân T1 là ông Nguyễn Văn H1 có mặt tại phiên tòa. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Phòng Công chứng số 01 tỉnh Đồng Tháp có đơn đề nghị xin vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Thúy N1 vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Căn nhà 01 trệt + 02 lầu và phần đất đang tranh chấp trong vụ án này theo đo đạc thực tế là 65m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ chính quy là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13) nằm trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4 về 1 theo sơ đồ đo đạc, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà Nguyễn Thị D1 đứng tên ngày 17/12/2003, tọa lạc tại số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Theo nội dung kháng cáo thì bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận cho bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K (là vợ và các con của ông Nguyễn Minh K1) cùng được hưởng thừa K1 đối với diện tích 65m² và 01 căn nhà cấp 3 trên đất thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 01 (thửa cũ là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13) do bà Nguyễn Thị D1 đứng tên ngày 17/12/2003. Vì bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K cho rằng nhà và đất trên do bà Nguyễn Thị D1 đã lập di chúc vào ngày 10/6/2004 để lại cho ông Nguyễn Minh K1 hưởng toàn bộ nên bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K là vợ và các con của ông K1 được hưởng thừa K1 nhà và đất trên của ông K1 chết để lại.

[4] Theo nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát:

- Thứ nhất: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào nội dung của di chúc có đoạn “Sau khi tôi qua đời thì con tôi là Nguyễn Minh K1 được toàn quyền sử dụng căn nhà này mà không có ai được quyền tranh cãi” để nhận định bà D1 chỉ giao cho ông K1 quyền sử dụng căn nhà mà không giao cho ông K1 quyền sở hữu đối với căn nhà là không phù hợp, bởi khi xem xét thì cần phải căn cứ vào toàn bộ nội dung di chúc để xem xét một cách khách quan và theo nội dung di chúc thì ý chí của bà D1 để lại nhà và đất trên cho ông K1 sở hữu, sử dụng.

- Thứ hai: Phần quyết định lại tuyên giao toàn bộ nhà và đất cho bà T được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và đi đăng ký mà không đề cập phần thừa

K1 của bà Lê Thị T5 (con bà D1) để tạm giao phần thừa K1 của bà T5 cho bà T quản lý là không phù hợp theo quy định.

- Thứ ba: Bị đơn Lê Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Lê Xuân H.K và Nguyễn Lê Xuân H.K có yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập chia di sản theo di chúc và yêu cầu được nhận bằng hiện vật, nhưng phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu là chưa giải quyết hết các yêu cầu của đương sự.

[5] Xét qua nội dung kháng cáo của bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận kháng cáo, bởi lẽ: Đối với diện tích theo đo đạc thực tế là 65m² và 01 căn nhà 01 trệt + 02 lầu thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ chính quy là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13) là có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị D1 và do bà Nguyễn Thị D1 đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Vào ngày 10/6/2004 bà Nguyễn Thị D1 (mẹ của ông Nguyễn Minh K1) có lập Tờ di chúc được Phòng công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp công chứng vào ngày 10/6/2004. Theo toàn bộ nội dung Tờ di chúc là thể hiện ý chí của bà Nguyễn Thị D1 tự nguyện để lại căn nhà số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thị xã C (nay là thành phố C) cho ông Nguyễn Minh K1 sử dụng. Đồng thời, căn cứ vào Văn bản cung cấp thông tin của Phòng công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp đã xác định nội dung Tờ di chúc của Nguyễn Thị D1 lập ngày 10/6/2004 là: “Ông Nguyễn Minh K1 được toàn quyền sở hữu, sử dụng căn nhà và đất tọa lạc tại số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thị xã C, tỉnh Đồng Tháp, phù hợp với ý chí của người lập di chúc tại thời điểm lập di chúc là để lại toàn quyền thừa hưởng tài sản của mình cho người được chỉ định trong di chúc, bao gồm: quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt”. Từ những căn cứ trên xác định Tờ di chúc do Nguyễn Thị D1 lập ngày 10/6/2004 trên là di chúc hợp pháp thể hiện ý chí tự nguyện của bà Nguyễn Thị D1 tại thời điểm lập di chúc để lại cho ông Nguyễn Minh K1 được quyền hưởng, sử dụng và sở hữu di sản là căn nhà và đất trên. Do đó, căn nhà và đất trên là di sản thừa K1 của bà D1 mà ông K1 được hưởng theo di chúc nên căn nhà và đất trên là thuộc tài sản của ông K1 được hưởng. Do ông Nguyễn Minh K1 đã chết nên bà Lê Thị Thu H (vợ ông K1), Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K (các con ông K1) có đủ điều kiện hưởng tài sản căn nhà và đất trên do ông K1 chết để lại bằng hiện vật. Do đó, giao căn nhà và đất trên cho bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K (là vợ và các con ông K1) cùng được quyền hưởng, sử dụng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[6] Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, bà T yêu cầu Tòa án chia thừa K1 theo pháp luật đối với căn nhà và đất do bà D1 chết để lại. Xét yêu cầu trên của bà T là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận theo như Hội đồng xét xử đã nhận định và phân tích trên.

[7] Tại cấp phúc thẩm, những người K1 thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị T5 không yêu cầu chia hưởng gì về căn nhà và đất do bà Nguyễn Thị D1 chết để lại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm thì phía bà T trình bày ông K1 họ Lê không phải họ Nguyễn nên cho rằng Tờ di chúc bà D1 để lại tài sản cho người tên Nguyễn Minh K1 không hợp pháp. Xét qua lời trình bày trên của bà T là không có căn cứ. Bởi lẽ tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận ông K1 là con trai duy nhất của bà Nguyễn Thị D1, do đó ông Nguyễn Minh K1 được hưởng di sản theo tờ di chúc do bà Nguyễn Thị D1 để lại là hoàn toàn phù hợp.

[9] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[11] Từ những nhận định và phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K là có căn cứ, do đó phải sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C; Đồng thời, công nhận cho bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K (là vợ và các con ông K1) cùng được quyền hưởng căn nhà và đất trên của ông K1 chết để lại là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[12] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

- Bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K được hưởng tài sản thừa K1 nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản đã được chia hưởng theo quy định của pháp luật.

- Bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[13] Về chi phí tố tụng: Do bà Nguyễn Thị Kim T không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà T phải chịu toàn bộ chi phí giám định, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

[14] Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 624, Điều 625, Điều 626, Điều 628, Điều 630 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K.

2. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T về việc yêu cầu bà Tô Thị Thúy N1 trả số tiền thuê nhà 90.000.000 đồng và yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê nhà giữa bà Tô Thị Thúy N1 với ông Nguyễn Minh K1.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T về việc: Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu đối với di chúc do bà Nguyễn Thị D1 lập ngày 10/6/2004; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà trên đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà Nguyễn Thị D1 ngày 17/12/2003 và yêu cầu bà Lê Thị Thu H trả số tiền 90.000.000 đồng cho thuê nhà.

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T về việc yêu cầu chia thừa K1 theo pháp luật đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế là 65m² và căn nhà 01 trệt + 02 lầu trên đất, thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ chính quy là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13), giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà Nguyễn Thị D1 đứng tên ngày 17/12/2003, tọa lạc tại số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

7. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H Kristin, Nguyễn Lê Xuân Hoàng Kraren về việc yêu cầu được hưởng, sở hữu, sử dụng diện tích 65m² (đất ở), căn nhà 01 trệt + 02 lầu trên đất, thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ chính quy là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13), giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà Nguyễn Thị D1 đứng tên ngày 17/12/2003, tọa lạc tại số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

8. Bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K cùng được quyền hưởng, sở hữu, sử dụng 01 căn nhà 01 trệt + 02 lầu (khung bê tông cốt thép, nền lát gạch men) và diện tích 65m² (đất ở), thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ chính quy là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13) nằm trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4 về 1, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà Nguyễn Thị D1 đứng tên ngày 17/12/2003, tọa lạc tại số A, đường N.Đ.C, khóm B, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố C và Sơ đồ mốc ngày 25/3/2016; Bản đồ trích đo ngày 06/4/2016 (duyet ngày 07/4/2016) của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp).

9. Bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K có quyền và nghĩa vụ đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục kê khai, đăng ký, tách chuyển để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 65m² và 01 căn nhà đã được Tòa án công nhận sở hữu, sử dụng trên theo quy định của pháp luật.

10. Về án phí:

10.1. Bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K cùng có nghĩa vụ liên đới nộp 66.288.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 33.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 08407 và số 08408 cùng ngày 10/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp. Bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K cùng có nghĩa vụ liên đới nộp tiếp số tiền 33.288.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

10.2. Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 5.100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 33.440.000 đồng đã nộp theo các biên lai số 039778 ngày 24/12/2015, số 08033 ngày 31/10/2016, số 0005445 ngày 08/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T 28.340.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

10.3. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thu H, Nguyễn Lê Xuân H.K, Nguyễn Lê Xuân H.K 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0008794 ngày 09/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

11. Về chi phí tố tụng:

11.1. Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu chi phí giám định số tiền là 2.835.000 đồng (số tiền này bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp và chi xong).

11.2. Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.270.751 đồng (số tiền này bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp và chi xong).

12. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

13. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

14. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố C;
- CCTHADS thành phố C;
- VKSND thành phố C;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao